



## Phát huy giá trị của tiếng Tày và chữ Nôm Tày: từ góc nhìn của khảo cứu Thái học Việt Nam

Vương Toàn<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup> Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển.

\*Email:vuongtoanls@gmail.com

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

08/7/2017

Ngày duyệt đăng:

10/3/2018

### Từ khoá:

Tiếng Tày; chữ Nôm Tày; bản sắc văn hóa truyền thống; tỉnh Tuyên Quang.

### Tóm tắt

Nhờ có chữ Nôm mà người Tày đã lưu giữ được kho tàng văn học và tri thức dân gian vô giá. Chữ Nôm Tày đã hoàn thành tốt đẹp sứ mệnh đó, song giá trị của nó thì còn chưa được chúng ta đánh giá chính xác và đầy đủ. Cũng như các bộ chữ cổ của người Thái, chữ Nôm Tày thu hút sự quan tâm của Thái học Việt Nam, một Chương trình khoa học chú ý đặc biệt đến bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc nhóm Tày - Thái, nhằm bảo tồn và phát huy các yếu tố tích cực của nó trong cuộc sống hiện đại. Là dân tộc thiểu số (DTTS) có số dân đông nhất ở Tuyên Quang, người Tày ở đây còn lưu giữ khá nhiều văn bản được viết bằng chữ Nôm Tày, đó là điều mà trước năm 2014, giới nghiên cứu còn ít biết đến. Như thế, việc khảo cứu văn bản, phổ biến tiếng Tày và chữ Nôm Tày cho những ai có nhu cầu (không chỉ người Tày), hẳn sẽ đem lại vị thế xứng đáng cho nó trong đời sống ngôn ngữ ở Tuyên Quang nói riêng, miền Đông Bắc nước ta nói chung.

### 1. Vị thế của tiếng Tày và chữ Nôm Tày trong khảo cứu Thái học Việt Nam

*Thái học Việt Nam* là Chương trình khoa học có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu tổng hợp, trước hết về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (bao gồm 8 tộc người) ở Việt Nam: đông nhất là người Tày, sinh sống chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc, và có một bộ phận không nhỏ đã chuyển cư vào phía Nam, nhất là vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ - phần lớn ở Lâm Đồng.

Những *Sản phẩm khoa học của Chương trình Thái học Việt Nam* đã được chúng tôi giới thiệu trong sách "*Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững*". Kỳ yếu Hội nghị quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ 7, tại TP Lai Châu. H., Nxb Thế giới, 2015, tr. 826-227. *Thái học Việt Nam* chủ yếu tập trung vào các khoa học xã hội & nhân văn và môi trường sinh thái, trong đó có vấn đề ngôn ngữ và chữ viết, vốn được xem là một trong những đặc trưng của bản sắc tộc người. Hơn thế, do

tính phổ biến của nó, tiếng Tày còn được giới chuyên môn gọi là "ngôn ngữ vùng".

Mượn chữ Hán để ghi lại tiếng nói của mình là hiện tượng phổ biến trên thế giới và Việt Nam. Cũng như các dân tộc: Dao, Nùng, Sán Chi... *slu Nam* - chữ Nôm là kiểu chữ mượn kí tự Hán để phiên âm tiếng Tày. Kiểu chữ này dựa trên cách phát âm Hán - Việt của chữ Hán mà ghi âm tiếng dân tộc, nên cùng loại với chữ Nôm Việt. Sự ra đời và phát triển của loại chữ này là kết quả phần đầu của nhiều thế hệ trí thức dân tộc, chứ không riêng một cá nhân ở một địa phương nào có thể làm được. Nói cách khác, giới nghiên cứu có thể tìm hiểu - như đã và đang làm - để chỉ ra phần đóng góp của những người có công ở Tuyên Quang.

Các văn bản bằng chữ Nôm Tày - mà người Tày gọi là *xéc su đăm* hay *xéc su nam* - được lưu truyền ở các địa phương khác nhau cho thấy tính đa dạng văn hóa của cộng đồng người Tày nên giá trị của chúng đối với nghiên cứu *Việt Nam học* nói chung, *Thái học Việt Nam* nói riêng, là không thể phủ nhận. Vì thế, có thể nói rằng

chữ Nôm Tày Tuyên Quang nằm trong mối quan tâm khảo cứu của *Thái học Việt Nam*.

Đã có một số nghiên cứu chuyên sâu, trong đó có luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ về ngôn ngữ Tày và chữ Nôm Tày bảo vệ thành công. Tình hình nghiên cứu về người Tày được chúng tôi phản ánh tương đối rõ trong cuốn Từ điển văn hoá các dân tộc Thái - Tày - Nùng (H. Nxb ĐHQG Hà Nội. 507 tr.), trong bài: Khảo cứu văn hoá các dân tộc Thái, Tày, Nùng ở Việt Nam - Những câu hỏi còn bỏ ngõ (tr. 29-36), cùng với việc lập Thư mục nghiên cứu văn hoá các dân tộc Thái - Tày - Nùng, tr. 479-499 và thư mục Luận án tiến sĩ (TS), luận văn thạc sĩ (ThS), khóa luận tốt nghiệp (KLTN) về các dân tộc Tày, Thái, Nùng đã bảo vệ thành công (thống kê chưa đầy đủ tính đến 20/11/2015) (tr. 500-595).

Chương trình Thái học Việt Nam đã tổ chức được 7 Hội nghị khoa học toàn quốc. Một số tác giả quê Tuyên Quang đã có dịp trình bày tại các hội nghị này, Ví dụ: Hoàng Đan (2015) cho ta biết hát Cọi mà họ gọi là “Hứ Cọi” hoặc “Hết Cọi” một số câu hát Cọi ở Chiêm Hóa. Trong các cuộc du xuân (đi dự hội lồng tồng ở bản khác) hoặc là đi chợ phiên, thường người con trai cất lời Cọi trước để làm quen một cô gái. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo về chiếc *Tình tẩu trong đời sống của người Tày xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang* có thể thành đề tài báo cáo khoa học được trình bày tại Hội nghị Thái học toàn quốc 2015.

Bài viết này xuất phát từ thông tin chúng tôi có được về thực trạng những gì mà giới khảo cứu trong và ngoài nước đã và đang làm, từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm chung lòng, chung sức cùng **giữ gìn và phát huy giá trị chữ Nôm Tày cùng với tiếng Tày ở Tuyên Quang** nói riêng, ngôn ngữ và chữ viết của các DTTS ở nước ta nói chung.

## 2. Giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Tày và chữ Nôm Tày

### 2.1. Những nguyên tắc cần thống nhất

Theo chính sách hiện hành về ngôn ngữ và văn hoá đối với các DTTS ở nước ta, không thể không nghiêm chỉnh tuân thủ các nguyên tắc sau:

2.1.1. Căn cứ vào 03 văn bản quan trọng nhất sau đây đang có hiệu lực, đó là:

- *Quyết định 53/CP* về chính sách đối với ngôn ngữ và chữ viết các DTTS ở Việt Nam được Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 22/02/1980, theo đó thì ở “các vùng DTTS, tiếng và chữ dân tộc được dùng

đồng thời với tiếng và chữ phổ thông” và Ủy ban nhân dân các tỉnh, theo sự hướng dẫn của các ngành Giáo dục, Khoa học, Văn hóa, Thông tin “có trách nhiệm căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh, yêu cầu và nguyện vọng của đồng bào các DTTS trong tỉnh, đề ra chủ trương cụ thể của tỉnh và xây dựng kế hoạch chỉ đạo các ngành, các cấp trong Tỉnh thực hiện tốt”.

- *Luật Giáo dục* (2005) khẳng định: “Nhà nước tạo điều kiện để người DTTS được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc”.

- *Nghị định số 82/2010/NĐ-CP* do Chính phủ ban hành ngày 15/7/2010 quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Theo Điều 3: *Điều kiện tổ chức dạy học*, việc tổ chức dạy học phải đảm bảo 5 điều kiện: 1- Người DTTS có nguyện vọng, nhu cầu học tiếng DTTS; 2- Bộ chữ tiếng DTTS được dạy và học trong nhà trường phải là bộ chữ cổ truyền được cộng đồng sử dụng, được cơ quan chuyên môn xác định hoặc bộ chữ đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn; 3- Chương trình và sách giáo khoa tiếng DTTS được biên soạn và thẩm định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 4- Giáo viên dạy tiếng DTTS đạt trình độ chuẩn đào tạo của cấp học tương ứng, được đào tạo dạy tiếng DTTS tại các trường cao đẳng, đại học sư phạm, khoa sư phạm; 5- Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tiếng DTTS theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Quy trình* đưa tiếng DTTS vào dạy học (Điều 4) là trên cơ sở nguyện vọng của người DTTS và điều kiện tổ chức dạy học tiếng DTTS của địa phương, UBND cấp tỉnh sẽ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy học tiếng DTTS trên địa bàn. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét các điều kiện về dạy học và thông báo kết luận bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh.

Tuy nhiên, được xác định rõ ở mục 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định về việc dạy học tiếng DTTS trên địa bàn.

Trước đó, Thông tư số 01/GD-ĐT ngày 3-2-1997 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *Hướng dẫn việc dạy học tiếng nói và chữ viết DTTS* chỉ đạo “Các Sở Giáo dục - Đào tạo phải tiến hành quy hoạch xây dựng kế hoạch chỉ tiêu và giao cho các trường sư phạm mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc và dạy song ngữ. Chương trình đào tạo của các trường sư phạm cần được bổ sung các nội dung thích ứng như

đặc điểm lịch sử, văn hóa, tiếng nói, chữ viết dân tộc và phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng dân tộc và song ngữ”. Với Nghị định 82/2010, Tiếng DTTS đã trở thành môn học thì không thể không có nơi đào tạo ra các giáo viên tiếng dân tộc có bài bản, có nghiệp vụ sư phạm hẳn hoi chứ không phải chỉ theo cách của “*bình dân học vụ*” như xưa kia là người biết chữ dạy người chưa biết. Tiếc thay, đó lại là hiện tình với hầu hết các thứ tiếng dân tộc thiểu số được giảng dạy ở nhà trường, mà chúng tôi đã có dịp trình bày với ngành sư phạm (Vương Toàn, 2013, 2014).

2.1.2. *Việc sử dụng tiếng nói và chữ viết không phải là sự áp đặt* (từ đâu đó, kể cả từ đa số) mà thực sự là hoàn toàn (hoặc đại đa số) tự nguyện tự giác cùng sử dụng, hướng tới hình thành một phương tiện giao tiếp chung cho cả cộng đồng dân tộc, luôn mong muốn có sự thống nhất (chứ không phải sự phân ly).

Yếu tố quan trọng nhất để một hình thức ngôn ngữ tồn tại là phải xuất phát từ nhu cầu và đáp ứng nguyện vọng của chính người dân sử dụng nó.

Đáng lưu ý là *Nghị định số 82* quy định bộ chữ tiếng DTTS được dạy và học trong nhà trường ***phải là bộ chữ được cơ quan chuyên môn xác định***.

Trong khi văn bản trên không quy định cụ thể là cơ quan nào thì một số cơ quan thường được hiểu là có chuyên môn về nghiên cứu và giáo dục ngôn ngữ DTTS (chẳng hạn như Phòng Ngôn ngữ DTTS thuộc Viện Ngôn ngữ học hay Khoa Ngôn ngữ học Trường Đại học KHXH&NV thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội) hiện lại thiếu chuyên gia (ở đây là về tiếng Tày và chữ Nôm Tày). Hiện chỉ Viện Nghiên cứu Hán Nôm là có người hiểu biết về chữ Nôm Tày.

## 2.2. *Giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Tày*

Từ kết quả nghiên cứu thực địa phục vụ cho luận án TS ngữ văn, Hà Thị Tuyết Nga (2014) cho thấy, đối với đồng bào DTTS vùng Đông Bắc, ở hầu hết các lĩnh vực giao tiếp, ngôn ngữ Tày là phương tiện giao tiếp quan trọng. Điều này thể hiện ở hai điểm sau:

Trong sinh hoạt cộng đồng, tiếng Tày chiếm tỉ lệ tuyệt đối: 81.3% trong sinh hoạt gia đình; 90.29% trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, tín ngưỡng; 72.3% nơi chợ búa, cửa hàng, bưu điện; 76.85% cuộc họp ở bản, xã; 69.27% giao tiếp với dân tộc khác (không phải người Kinh).

Trong số các ngôn ngữ được sử dụng để giao tiếp với các dân tộc khác, tiếng Tày chiếm 69.27%. Tỉ lệ

này cao hơn hẳn tiếng Việt (11,5%), Nùng (6.23%), Dao (4,8%), Thái (6,8%), Hmông (1,44%).

Tỉ lệ 69.27% sử dụng tiếng Tày để giao tiếp với các dân tộc khác gián tiếp cho thấy, số lượng người nói được tiếng Tày của các dân tộc khác (cùng địa bàn cư trú) là khá lớn. Như vậy, có cơ sở để nói rằng, ngoài người Tày, tiếng Tày còn có vị trí quan trọng khác: phương tiện giao tiếp chung.

Theo *Triệu Lam Châu* 29/4/2016, trên Facebook có *Hội những người yêu và muốn giữ gìn tiếng Tày*. Hội này hiện nay có hai mươi hai ngàn thành viên. Nếu lập facebook, ta có thể tham gia Hội này.

Gần đây, việc dạy tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức được chú trọng và có những chính sách bắt buộc và khuyến khích cụ thể.

Được biết, tất cả sinh viên khoa Văn - Xã hội của trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên đều phải học môn *Tiếng Tày* (6 tín chỉ, tương đương 90 tiết). Hàng loạt sách giáo khoa được biên soạn và đi vào cuộc sống<sup>(1)</sup>.

Năm 2010, UBND tỉnh Bắc Cạn cũng đã cho in *Slon tiếng Tày* (Học tiếng Tày) làm giáo trình dạy cho cán bộ, công chức trong tỉnh.

Tại Cao Bằng, Bộ tài liệu *SLON PHUỐI TÀY* do Hiệu trưởng trường CĐSP Cao Bằng Vũ Văn Dương làm Trưởng ban biên soạn, cũng đã được nghiệm thu ngày 13/1/2014, theo Quyết định của Bộ Nội vụ số 2362/QĐ - BNV (31/ 12/ 2013) ghi nhận đây là “*Bộ tài liệu tiếng dân tộc Tày đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công chức tỉnh Cao Bằng*”.

Lúc sinh thời, Nguyễn Ngọc Hóa (1998) đã từng nhấn mạnh: “*Riêng đối với giáo viên dạy tiếng dân tộc thì... không những phải biết tiếng (đối với người dân tộc khác), biết chữ thành thạo mà còn phải nắm được nền*

<sup>1</sup>Lương Bền (2009), *Slon phuoối Tày* (Học tiếng Tày), Thái Nguyên, Nxb ĐH Thái Nguyên, 148 tr; Lương Bền, Ma Ngọc Dung (2010), “*Slon phuoối Tày*”, tài liệu giảng dạy tiếng Tày, UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Nội vụ Thái Nguyên, 2011, Tái bản (có bổ sung), 2012 - 196 tr; Lương Bền ch.b, Đào Thị Lý (2015) - *Tiếng Tày cơ sở*, Thái Nguyên, Nxb ĐH Thái Nguyên, 200 tr; Lương Bền (2015) - *Tự học tiếng Tày* - (tài liệu viết cho Bộ Giáo dục & Đào Tạo, 154 tr (khổ A4); Phạm Thị Phương Thái (chb), Đàm Thị Tắm, Nguyễn Thị Hồng Cúc (2013) - *Học tiếng Tày*. H., Nxb. KHXH, 288 tr.

văn hóa, văn học... của dân tộc đó ở một mức độ nhất định” (tr. 93).

Cùng với bộ sách học tiếng, nhất thiết phải có các sách hỗ trợ, như: Sổ tay, từ điển... Sách đọc thêm: gồm các sách về thường thức công dân, văn hóa, vệ sinh, phòng bệnh sản xuất... các sách tuyển chọn về văn thơ dân tộc, các sách về lịch sử, danh nhân dân tộc... (tr. 94).

### 2.3. Giữ gìn và phát huy giá trị của chữ Nôm Tày

Cùng với sự thành lập Khu tự trị Việt Bắc, *Vấn đề chữ Tày Nùng* được đặt ra từ những năm 60 thế kỷ trước. *Đẩy mạnh xây dựng một ngôn ngữ Tày Nùng thống nhất* là cần thiết lúc đó, nhưng thực tế cho thấy, do những bất cập của nó, *Phương án chữ Tày - Nùng* được Nhà nước thông qua năm 1961 chỉ có tác động trong đời sống ngôn ngữ một thời. Một số nguyên nhân của tình hình này được chúng tôi chỉ ra khi ra trong lời *Mở đầu icho* Từ điển Tày - Việt (Nxb Văn hóa dân tộc, 2016), khi trình bày *Vì sao Từ điển Tày - Việt không sử dụng nguyên bộ chữ Tày - Nùng (1961)?* (tr. 11-14). Khoảng 15 năm về trước PGS.TS Tạ Văn Thông nhận thấy “*Có một sự trùng hợp khiến chúng ta phải chú ý: chữ Tày - Nùng và Hmông đều chính thức ban hành vào năm 1961, và phong trào truyền bá sử dụng hai bộ chữ này chỉ rầm rộ trong những năm 60 rồi "thất bại" vào những năm cuối thập kỷ này*”(Cánh huông và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam. H. Nxb. KHXH, 2002, tr. 179), Và tìm hiểu kỹ, tác giả cho rằng: “*Chữ Tày - Nùng đã được nhân dân Tày và Nùng, đặc biệt là tầng lớp trí thức hoan nghênh và sử dụng, tuy vậy chữ Tày - Nùng chưa có sự thống nhất ở các địa phương, chưa có được một chuẩn mực chính tả, chưa hình thành một thứ ngôn ngữ văn (sách đã dẫn, tr. 178) học có uy tín, chưa được phổ biến rộng rãi (hoặc đã bị quên lãng) trong nhân dân*”.

Trong công trình *Ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam* mới được tái bản (H., Nxb ĐHQG Hà Nội, 2016), khi đề cập đến các cách *Ứng xử hiện nay đối với chữ viết cổ truyền thống*, mà “rõ nhất là bên cạnh việc tạo điều kiện để những dân tộc có chữ viết cổ truyền thống tiếp tục sử dụng loại văn tự này, người ta đã xây dựng thêm kiểu chữ viết mới theo hệ Latinh cho chính ngôn ngữ đó”, GS.TS Trần Trí Dõi (Chủ nhiệm bộ môn *Ngôn ngữ các DTTS*, Khoa Ngôn ngữ học) viết: “sau một thời gian dài thực hiện cách ứng xử đồng thời: như thế, chúng ta thấy rằng kiểu chữ viết Latinh của những trường hợp DTTS có chữ viết cổ truyền thống dường như đã không thấy được duy trì hay phát huy được tác

dụng của nó trong đời sống xã hội của cộng đồng người dân tộc” (tr. 238), vì theo tác giả, chữ viết cổ truyền thống “không đơn thuần chỉ là văn tự ghi lại ngôn ngữ của một cộng đồng mà nó là một “tài sản văn hóa” gắn liền với những nhóm tộc người cụ thể” (tr. 240).

Liên hệ với người Tày, việc giữ gìn và phát huy giá trị của văn bản viết bằng chữ Nôm Tày thể hiện rõ nhất trong các việc: *suu tầm; khảo cứu, khai thác và phổ biến giá trị của văn bản* cũng như *chữ Nôm Tày* trong cộng đồng. Thật vậy, không chỉ suu tầm và bảo quản mà việc khai thác văn bản Nôm Tày đã được triển khai, có tác dụng đến việc nghiên cứu văn học dân gian, cũng như văn hóa truyền thống, trong đó có lễ hội, tín ngưỡng dân gian... của người Tày. Khảo cứu văn bản viết bằng Nôm Tày cho thấy sự tương đồng và khác biệt trong ngôn ngữ và văn hóa Tày giữa các vùng miền.

Chúng tôi đã có dịp trình bày về vấn đề này ở Hội thảo Cao Bằng (Vương Toàn, 2016) nên chỉ nêu mấy nhận xét chung về *hiện trạng sách Nôm Tày*. Công việc này được Nhà nước ta quan tâm, cụ thể là đã cấp kinh phí cho một viện chuyên ngành triển khai, từ cuối thế kỷ trước. Thế rồi thành quả của công việc suu tầm, nghiên cứu và phối kết hợp với các địa phương trong *Chương trình về suu tầm, bảo quản, mã hóa, nghiên cứu khai thác chữ viết cổ truyền của các DTTS ở Việt Nam*, cấp Viện KHXH Việt Nam, do Viện Nghiên cứu Hán Nôm chủ trì, đã được công bố. Một phần tư liệu mới được suu tầm trong nhiều năm qua, hiện đang lưu trữ tại Viện này, được phản ánh trong 2 tập *Thư mục sách Hán Nôm của các DTTS ở Việt Nam*: Tập I giới thiệu 1519 cuốn và Tập II giới thiệu 1367 cuốn. Sản phẩm thông tin thư mục này cho biết: Tên sách; Tác giả (nếu có); Đặc điểm (chép tay, sách in, số trang...); Ký hiệu thư viện; Tóm tắt nội dung. Phần cuối *Thư mục* còn có *Bảng tra tên sách theo chữ cái* (xếp theo ABC) và *Bảng tra tên sách theo ký hiệu*. Bên cạnh đó, Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã chocông bố 18 tập thuộc *Tổng tập truyện thơ nôm các DTTS Việt Nam*; các truyện thơ Tày có in nguyên bản chữ Nôm Tày. Thực trạng khảo cứu về Nôm Tày phần nào đã có thể tìm hiểu trên mạng. Khi vào trang chủ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở địa chỉ: [www.hannom.org.vn](http://www.hannom.org.vn).

Theo dữ liệu thông tin khoa học có được của chúng tôi từ 1973 cho thấy trước đây, giới khảo cứu thường chỉ nói nhiều đến các văn bản Nôm Tày được phát hiện ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên...

Cộng tác viên của Chương trình Thái học Việt Nam từ địa phương cho biết Sở Văn hóa các tỉnh: Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang... chưa đặt vấn đề sưu tập, bảo quản và nghiên cứu các văn bản Nôm Tày, cụ thể như Bảo tàng Tuyên Quang chỉ có khoảng 50 quyển sách Nôm Tày & Hán, mà chủ yếu là sách cúng bái, xem ngày tốt, xem tuổi hợp hôn, xem tử vi .v.v. Như thế, sách còn đang ở trong dân (tại nhà các thầy cúng, then, bụt, tạo .v.v...)?

Giá trị riêng của các văn bản Nôm Tày Tuyên Quang đối với khảo cứu Thái học Việt Nam thể hiện ở nhiều phương diện, đặc biệt là bổ sung kho tư liệu cho thấy tính đa dạng trong thống nhất của tiếng Tày và văn hóa Tày ở Việt Nam.

Do vậy, văn bản chữ cổ này cần được sưu tầm và lưu giữ đầy đủ ở *Thư viện* tỉnh (xin nhấn mạnh: chỉ có vật mẫu ở *Bảo tàng*). Công việc này nên được tiến hành thông qua những chương trình, dự án lớn nhỏ khác nhau, trước hết là một đề tài cấp tỉnh và kết quả sưu tầm ở nhiều huyện (kể cả sao chép ở các địa phương khác, nếu nội dung văn bản có liên quan đến Tuyên Quang).

Được học tiếng Tày và chữ Nôm Tày, có thể khuyến khích một số sinh viên trường Đại học Tân Trào làm khóa luận từ vốn tư liệu này và trong quá trình nghiên cứu ở các bậc học cao hơn (luận văn ThS, luận án TS), học viên cao học và nghiên cứu sinh có thể góp phần bổ sung cho vốn tài liệu quý hiếm này.

Đáng chú ý là công tác thư tịch cần có sự chỉ đạo thống nhất mà điều đáng quan tâm nhất, tất cả các tài liệu sưu tầm được đều cần được xác định rõ nguồn gốc.

Sau khi thu thập văn bản cổ (vốn là công việc không phải lúc nào cũng dễ dàng, dù chỉ cần sao chụp), phải tiến hành các công đoạn: lưu trữ, bảo quản lâu dài - có điều kiện số hóa văn bản là tốt nhất. Để xác định địa chỉ và tình trạng tài liệu, cần lập ngay *Thư mục* - tốt nhất là xây dựng *Cơ sở dữ liệu thư mục* - chi rõ hiện trạng với các yếu tố thư mục, trong đó có nơi lưu giữ văn bản (bao gồm tổ chức hay cá nhân hiện lưu giữ hoặc đã biết là có khi chủ nhân không cho sao chụp).

Từ việc khai thác vốn hiểu biết của mấy bậc cao niên (tuổi 80-90) ở địa phương, nhóm dịch giả *Tổng Đại Hồng, Lương Long Vân, Ma Văn Đức*(2015) đã cho in *Văn quan làng Tuyên Quang*, một thể văn thơ chỉ có ở người Tày. Trong bối cảnh địa phương như đã nói ở trên, kết quả lao động tập thể này và những bài viết của

*Tổng Đại Hồng* (2015, 2016) quả thực là cố gắng đáng ghi nhận.

Bảo vệ và phát huy giá trị của văn bản Nôm Tày là làm cho nó tồn tại và có sự tác động đến tồn tại và phát triển của cộng đồng. Công việc này không chỉ cần lòng nhiệt tình, yêu thích của cá nhân nhà khảo cứu mà cần được tổ chức thích hợp ở một số cơ quan trung ương và địa phương.

Những giá trị tốt đẹp còn lưu giữ trong văn bản viết bằng chữ Nôm Tày sẽ được khai thác triệt để, một khi ta phát huy được tính tích cực của những người say mê với văn hóa dân tộc ở địa phương, truyền hứng thú cho một số sinh viên ở trường Đại học Tân Trào.

Nguyên nhân của việc xưa nay đều ít người biết chữ Nôm Tày là do việc truyền dạy và sử dụng bộ chữ này chỉ mang tính cá nhân - dù có thể thành nhóm (lớp) do cá nhân tổ chức; song không có văn bằng, chứng chỉ khi kết thúc, và về mặt pháp lý, không được chính quyền công nhận.

Do không có quy định thống nhất nên qua các văn bản sưu tầm được, ta thấy cách viết cùng một từ có thể mỗi nơi một khác. Thơ ca, bài cúng được ghi bằng chữ Nôm Tày là sáng tác được ghi/chép lại theo phương ngữ, nên có những chữ trong các văn bản sưu tầm được ở Tuyên Quang có thể khác với cách ghi ở Cao Bằng (xem: *Tổng Đại Hồng*, 2015). Đó là chưa kể một bộ phận ngôn ngữ thơ ca xa rời tiếng nói thông thường của quần chúng nhân dân đương thời: Trong xã hội Hán ngữ chiếm ưu thế truyền viết ra thường có đầy những từ mượn tiếng Hán mà người bình thường không hiểu được, như *long đình* = cung vua, *cắm tú* = đẹp, *thanh tân* = trong sạch, *son nhạc* = đồi núi, *hoàn sinh* = sống lại...

Do chưa có chữ viết chính thức, văn học cũng như mọi tri thức dân gian chủ yếu được người dân truyền miệng từ đời này qua đời khác. Các thế hệ nối tiếp nhau có thể bổ sung, thêm thắt và hoàn chỉnh. Đến khi có chữ Nôm Tày, các truyện đó mới được chép lại thành pho, thành bài, thành tập... Do muốn đọc chữ Nôm phải biết chữ Hán, cho nên số lượng người sử dụng được chữ Nôm Tày không nhiều. Số người dùng chữ Nôm Tày để sáng tác lại càng hiếm hoi. Khảo sát trực tiếp của *Hoàng Tuấn Cư* (18/10/2015) cho biết nhiều thầy cúng ở Lạng Sơn hiện nay không thể đọc được văn bản viết bằng chữ Nôm hay chữ Hán do tiền nhân để lại, nên khi hành nghề, chỉ đọc theo bản phiên âm. Từ hơn hai mươi năm trước, *Lục Văn Páo* (1992) cũng đã nhận xét rằng: “*Những người hành nghề Pụt cũng nhiều người không biết chữ Nôm, họ chỉ thuộc*

*nhập tâm. Việc chép ra thành sách chỉ là hỗ trợ phòng khi quên thôi. Nên sách Pụt bao giờ cũng không đầy đủ và không chính qui”* (tr. 28).

Do đó, nhu cầu hiểu biết về tiếng Tày và chữ Nôm Tày hiện nay là có thật và cần thiết, tuy không phải là bức thiết cho mọi người. Nói cách khác, tiếng Tày và chữ Nôm Tày cần được dạy - học chính thức ở trường lớp cho một số đối tượng có nhu cầu.

Liên hệ với chữ Nôm Dao thì được biết: Từ chỗ là chỉ hiện tượng đơn lẻ như ngày 13/4/2014 tại Cẩm Thủy mở thêm một lớp chữ Dao do ông trưởng xóm Khang chủ trì, trong xu hướng tìm về bộ chữ cổ, ngày 17/3/2015, UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê chuẩn *Bộ chữ Nôm Dao Thanh Hóa* và yêu cầu Sở GD-ĐT đưa vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm GDTX của tỉnh này. Từ cơ sở pháp lý này, việc dạy chữ Nôm Dao đã bắt đầu ở một số trung tâm GDTX trong tỉnh.

Như thế, để giảng dạy và phổ biến tiếng Tày và chữ Nôm Tày, UBND tỉnh Tuyên Quang cần ra Quyết định công nhận và phổ biến tiếng Tày và chữ Nôm Tày ở địa phương, cụ thể là cho phép các trường phổ thông và Trung tâm GDTX dạy tiếng Tày và chữ Nôm Tày theo nguyện vọng của người học (nghĩa là môn học tự chọn).

Chủ trương như vậy có tính khả thi, vì không áp đặt, nhưng động viên những người muốn tìm về vốn cổ, nhằm khai thác vốn cổ, phát huy bản sắc dân tộc, nhằm phục vụ cuộc sống hiện tại.

Việc dạy - học tiếng Tày và chữ Nôm Tày ngoài việc *bảo tồn* bản sắc văn hóa dân tộc, còn tạo điều kiện sử dụng và phát huy những tinh hoa của nó (khi các cơ quan hữu quan có người - có thể kiêm nhiệm - chăm lo công việc này)...

Đương nhiên, việc triển khai không nên quá vội vàng. Lúc đầu có thể chỉ nên dạy ở trường nội trú và trung tâm GDTX: tuy xem là môn tự chọn, nhưng khuyến khích mọi người (không chỉ học sinh mà cả người lớn, là người Tày hay các dân tộc khác). Ngành giáo dục đề xuất việc mở lớp thí điểm rồi mở rộng dần theo nhu cầu (tự nguyện) có thực. Như thế, chính sách đối với tiếng Tày và chữ Nôm Tày được triển khai hợp lòng dân - chứ không phải chỉ căn cứ theo ý chí của một số người.

Trong nội dung giảng dạy ở nhà trường, cần giới thiệu để học sinh biết một số DTTS ở nước ta cũng có chữ viết chịu ảnh hưởng của chữ Hán - như chữ Nôm Tày, chứ không phải không chỉ có chữ Nôm Việt...

song nhà trường không bắt buộc học, để không tăng thêm gánh nặng cho tuổi học sinh.

Còn như ở các trung tâm GDTX trong tỉnh, nên có lớp dạy tiếng Tày và chữ Nôm Tày và đặc biệt là ở trường Đại học Tân Trào rất nên đặt thành một nội dung của môn Ngữ văn, trong đó đề cập đến chữ Nôm của các dân tộc Tày/Nùng/Dao/Sán Chi cũng như chữ cổ truyền các dân tộc khác như Thái, Chăm Kơ Me, Lào...

Nhân đây, chúng tôi cũng xin khẳng định rằng tiếng Tày và chữ Nôm Tày - cũng như chữ Nôm Việt và ngôn ngữ cũng như các bộ chữ truyền thống khác - không nhất thiết dạy đại trà, nhưng rất cần có tổ chức chuyên nghiên cứu và triển khai giảng dạy ở các Trường đại học (như Đại học Thái Nguyên đã làm) và các Trường cao đẳng ở vùng Đông Bắc. Tuy nhiên, việc học chỉ nên xếp vào trong số các môn *tự chọn*, cốt để khuyến khích những ai (kể cả không phải là người Tày) có điều kiện và sở thích học và sử dụng tiếng Tày và chữ Nôm Tày. Môn học này rất có thể sẽ thu hút một số học viên nước ngoài.

Thêm nữa là trong chính sách sử dụng cán bộ, chỉ những người tốt nghiệp có học bộ môn này mới được giao nhiệm vụ, bảo tồn và khai thác vốn tài liệu bằng tiếng Tày và chữ Nôm Tày đã thu thập được. Nói cách khác, đó cũng là tiêu chuẩn không thể thiếu khi tuyển chọn người vào các vị trí công tác có liên quan, ở các cơ sở giáo dục hay quản lý công quyền.

Sau cùng, những khuyến nghị của chúng tôi về tiếng Tày và chữ Nôm Tày cũng có thể vận dụng cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của ngôn ngữ và một số bộ chữ cổ DTTS khác - cũng trong tình trạng không được phổ biến trong khi số lượng tư liệu, văn bản có thể sưu tầm được không phải là ít.

### **3. Cùng giữ gìn và phát huy giá trị sáng tạo vô giá của tiền nhân**

Để *Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa*, Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, có đặt thành nhiệm vụ “Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các DTTS, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng”.

Được biết, hiện nay số người Tày có học vị sau đại học chiếm tỉ lệ cao nhất nước ta (theo thông tin từ UBNDT). Tuy nhiên, vị thế của tiếng Tày và chữ Nôm

Tày lại chưa tương ứng theo giá trị cần được giữ gìn và phát huy.

Trên địa bàn tỉnh có 23 dân tộc cùng sinh sống, Tày là DTTS có số dân đông nhất ở Tuyên Quang <sup>(2)</sup>. Nhờ có tiếng Tày và chữ Nôm mà người Tày đã lưu giữ được kho tàng văn học và tri thức dân gian vô giá. Chữ Nôm Tày ra đời đã hoàn thành tốt đẹp sứ mệnh đó.

Ngành văn hóa một số tỉnh đã có chủ trương sưu tầm và lưu giữ ở Thư viện hoặc Bảo tàng địa phương, nhưng thường chỉ dừng ở việc nhỏ lẻ, càng chưa thấy có sự liên kết địa phương. Xin nêu lại khuyến nghị mà nhà nghiên cứu người Tày Hoàng Hựu (2007) đã từng đề xuất: “*việc khai thác bản sắc tinh hoa di sản bằng văn tự Nôm Tày trên nhiều lĩnh vực ở các tỉnh chưa được quan tâm đúng mức, nên chăng, các tỉnh Đông Bắc cần tổ chức một cuộc hội thảo về vấn đề này*” (tr. 58).

Khi Trường Đại học Tân Trào nhận được sự đồng tâm hiệp lực không chỉ từ Sở Giáo dục và Đào tạo mà cả từ Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Văn hóa - Thể Thao và Du lịch cùng quyết tâm vào cuộc thì việc nghiên cứu và dạy - học chữ Nôm Tày hẳn sẽ đem lại vị thế xứng đáng trong đời sống ngôn ngữ ở Tuyên Quang nói riêng, miền Đông Bắc nói chung.

Cũng bởi vậy, đã đến lúc cần đề xuất việc này trong một đề tài Đại học Tân Trào chủ trì, phối hợp với các tổ chức hữu quan hay liên tỉnh (chẳng hạn như Cao Bằng).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Triều Ân, *Văn học Hán Nôm dân tộc Tày*, H. Nxb VHDT, 2008, tr. 651;
2. Hoàng Triều Ân, *Chữ Nôm Tày - một thành tựu sáng tạo xuất sắc của văn hóa dân tộc*, Bài gửi Hội nghị Thái học Việt Nam 7, 2014;
3. Triệu Lam Châu, *Chữ Nôm Tày, một thành tố cơ bản của tính cách Tày trong tâm hồn người Cao Bằng*, Bài gửi Hn THVN 7, 2015;
4. Triệu Thị Kiều Dung, *Chữ Nôm Tày trong văn bản viết tay*, Luận án TS chuyên ngành Ngôn ngữ văn tự bảo vệ ngày 4 tháng 6 năm 2012 tại trường Đại học Kỹ Nam, Quảng Châu, Trung Quốc;
5. Triệu Thị Kiều Dung, *Nhận diện các giá trị văn bản viết bằng chữ Nôm Tày*, Bài gửi Hn YHVN 7, 2014;
6. Triệu Thị Kiều Dung, *Thực trạng và một số giải*

*pháp lưu giữ các văn bản chữ Nôm Tày ở Cao Bằng*, In trong “Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững”, Kỷ yếu Hội nghị quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ 7, Lai Châu. H., Nxb Thế giới, 2015, tr. 2015;

7. Hoàng Đan, *Hát Cọi - Một hình thức hát giao duyên của người Tày ở huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang*, In trong “Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững”, Kỷ yếu Hội nghị quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ 7, Lai Châu. H., Nxb Thế giới, 2015; tr. 206-213;

8. Nguyễn Ngọc Hóa, *Về việc dạy và làm sách tiếng Thái ở Thanh Hóa*, Trong: Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam (Ki yếu "Hội thảo Thái học lần thứ II"), H. VHDT, 1998, tr. 86-95 (Bài viết đề ngày 30/9/1993);

9. Lê Thị Thúy Hoàn, *Nhà sàn truyền thống của cư dân Tày ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang): Luận án TS*, bảo vệ tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, 2010;

10. Tống Đại Hồng, *Bước đầu tìm hiểu chữ Nôm Tày ở Tuyên Quang*, In trong “Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững”, Kỷ yếu Hội nghị quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ 7, Lai Châu, H. Nxb Thế giới, 2015, tr. 2015;

11. Tống Đại Hồng, *Một số nét giống và khác nhau giữa chữ Choang cổ Trung Quốc và chữ Nôm Tày ở Tuyên Quang - Việt Nam*, Bc KH gửi Httq Choang học, Nam Ninh (TQ), 2016;

12. Tống Đại Hồng, Lương Long Vân, Ma Văn Đức (st.,d.), *Văn quan làng Tuyên Quang (có in chữ Nôm Tày viết tay)*, Nxb VHDT, 2015, tr. 410;

13. Cung Văn Lược, *Chữ Nôm Tày qua so sánh với chữ Hán và chữ Nôm Việt*, Luận án TS chuyên ngành Lý luận ngôn ngữ bảo vệ tại Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1992;

14. Cung Khắc Lược, *Vài đặc điểm của Then nhìn từ góc độ văn bản Nôm Tày*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1, 1996, tr. 58-62;

15. Nguyễn Thị Lương, *Tiếng Tày ở Na Hang*, KLTN Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1994;

16. Trịnh Khắc Mạnh (chb), *Thư mục sách Hán Nôm các DTTSVN*, T.1/, H., Nxb KHXH 2008, tr. 919 tr, Tập 2. H., KHXH, 2009, tr. 819;

17. Hà Thị Tuyết Nga, *Nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ dân tộc Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam*, Luận án TS Bảo vệ ngày 05/6/2014 tại Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, NHD: Vương Toàn;

<sup>2</sup><http://www.tuyenquang.gov.vn/DetailView/186/17/DAN-SO.html>

18. Lục Văn Páo, *Lời dẫn trong cuốn Pút Tày*. H., Nxb KHXH, 1992, tr. 27-29;
19. Nguyễn Thị Thanh Thảo, *Lượn, Phong Shư - Hát trữ tình người Tày*, KLTN đại học, Nhạc viện Hà Nội, 2002;
20. Nguyễn Thị Thanh Thảo, *Tính tẩu trong đời sống của người Tày xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang*, In trong “Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững”, Kỷ yếu Hội nghị quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ 7, Lai Châu. H., Nxb Thế giới, 2015. tr. 388-395;
21. Vương Toàn, *Tiếng nói, chữ viết - niềm tự hào dân tộc*, Tủ sách «Di sản văn hóa Việt Nam». Sản phẩm Chương trình mục tiêu Quốc gia. H., Nxb Văn hóa dân tộc, 2012, tr. 59;
22. Vương Toàn, *Ngành sư phạm cần đào tạo giáo viên chuyên về ngữ văn dân tộc*, trong: Ngôn ngữ và văn học - Kỷ yếu Hội thảo ngôn ngữ học toàn quốc, do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức ngày 29/10/2013. H., Nxb Đại học Sư phạm, 2013, tr. 853-857;
23. Vương Toàn, *Hướng tới cùng sử dụng một bộ chữ Thái*, Tạp chí Nghiên cứu dân tộc, Viện Dân tộc - UBDT, số 7/ 9-2014, tr. 15-20;
24. Vương Toàn, *Những nguyên tắc đi tới cùng sử dụng một bộ chữ Thái*, BCKH trình bày ngày 12/4/2014 tại Hội thảo do Trường Đại học Tây Bắc tổ chức tại TP Sơn La; in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Ngôn ngữ và văn học vùng Tây Bắc”. H., Nxb Đại học Sư phạm, 2014, tr. 182-189;
25. Vương Toàn, *Hướng tới chuẩn hóa cách viết địa danh ở tỉnh Điện Biên*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, 2014, tr. 3-12;
26. Vương Toàn, *Đổi mới công tác giáo dục: Cần đào tạo giáo viên chuyên ngành ngữ văn dân tộc*, <http://dantocmiennuisonghong.com/news/can-dao-tao-giao-vien-chuyen-nganh-ngu-van-dan-toc.d-307.aspx>, 2014;
27. Vương Toàn, *Nhu cầu đào tạo giáo viên chuyên ngành ngữ văn dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc, số 5, 3/2014, tr. 22-28;
28. Vương Toàn, *Mấy khuyến nghị nhằm phát huy giá trị của văn bản viết bằng Nôm Tày Cao Bằng*, Bc KH trình bày tại Hội thảo “Giá trị văn bản viết bằng Nôm Tày Cao Bằng”. do Sở Khoa học và Công nghệ Cao Bằng tổ chức, ngày 20/7/2016.

## Developing the values of Tay language and its Nom writing, a view from the Vietnam Thai studies

Vuong Toan

---

### Article info

Recieved:  
08/7/2017  
Accepted:  
10/3/2018

---

### Keywords:

Tay tongue;  
Nom Tay writing;  
traditional value;  
Tuyen Quang province.

---

### Abstract

Due to his Nom writing, the Tay preserved invaluable folk literature and knowledge treasure. This writing examines its mission, but it has not been valorized accurately and completely yet. As other ancient writings of Thai people, the Nom Tay takes an interest in the Vietnam Thai Studies, a scientific programme paying attention to traditional cultural identities of ethnic minorities following Tay - Thai group, in order to preserve and display its positive elements in the modern life. Being the most populous ethnic group in Tuyen Quang province, the Tay has conserved numerous texts in Nom writing; this was poorly informed before 2014 by researchers. So that, the textological investigation and the vulgarization of the Tay longue and its Nom writing for the people (not only Tay people) in needs will repay the Tay an reasonable position in the linguistic living in Tuyen Quang province in particular and in the Vietnam North - East in general.

---